

Bản án số: 26/2023/HNGĐ- ST
Ngày: 24/5/2023
“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Vũ Thị Linh.
- Ông Nguyễn Trường Ca.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Hoàng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở TAND thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277/2022/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023, số: 15A/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Mạc Đình N, sinh năm 1989.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm 1990.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Anh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và chị L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, các biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là anh Mạc Đình N trình bày: anh và chị Trần Thị L tự do tìm hiểu tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương ngày 17/4/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình anh ở phường Đ, thành

phố C, tỉnh H. Đến năm 2019, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn do có nhiều bất đồng. Hơn nữa, kinh tế và việc làm của cả hai không ổn định nên vợ chồng hay cãi nhau. Ngoài ra, do chung sống gần 2 năm không có con nên cũng là nguyên nhân làm mâu thuẫn vợ chồng thêm trầm trọng. Khoảng đầu năm 2019, giữa vợ chồng xảy ra cãi nhau nên chị L đã bỏ khỏi nhà anh và về nhà bố mẹ để sinh sống. Từ đó đến nay vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa giải được nữa nên tôi đề nghị Tòa án Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L.

2. Về con chung: Anh và chị L không có con chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị L không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không thực hiện được việc tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý và giấy triệu tập cho chị L. Căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của BLTTDS, Tòa án đã lập biên bản về việc không tổng đạt được và tiến hành thủ tục niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đối với bị đơn là chị Trần Thị L. Tuy nhiên chị L không đến Tòa án để có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của anh L mà chỉ gửi văn bản trình bày ý kiến thể hiện đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, nhất trí ly hôn với anh N.

- Ông Mạc Đình C là bố đẻ của anh N trình bày: chị L là người quê gốc ở tỉnh Hà Tĩnh, đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan. Quá trình anh N đi xuất khẩu lao động ở Nga có quen biết nhau. Khi cả hai về nước thì kết hôn và tổ chức đám cưới theo phong tục vào năm 2017. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại gia đình ông. Quá trình chung sống đã nảy sinh mâu thuẫn do ở với nhau gần 2 năm chưa có con, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến năm 2019, chị L và anh N sống ly thân và chị L hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú ở khu dân cư T nhưng không sống ở nhà ông bà. Anh N cũng không tìm chị L để động viên quay về chung sống. Anh chị không có con chung và tài sản chung.

- Trưởng khu dân cư T, phường Đ xác định chị L vẫn đăng ký hộ khẩu tại khu dân cư T nhưng hiện đi làm xa nhà. Anh N và chị L không chung sống tại địa phương nên không nắm được tình trạng hôn nhân của anh chị. Về con chung: anh chị không có con chung.

- Tại Công văn số 3015/QLXNC-P5 ngày 17/02/2023, Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an trả lời: Theo dữ liệu của Cục quản lý nhập cảnh quản lý: có trường hợp chị Trần Thị L, sinh ngày 21/01/1990 tại Hà Tĩnh, CMND: 142789375, khai hộ khẩu thường trú tại xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương; đã sử dụng hộ chiếu số B8459601 để xuất cảnh ngày 26/11/2023, nhập cảnh ngày 18/11/2016.

Tại phiên tòa, các đương sự đều không có mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của tòa án.

Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N, cho anh N được ly hôn với chị L.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không giải quyết.
- Về tài sản chung: không giải quyết.
- Án phí: Anh N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Anh Mạc Đình N khởi kiện xin ly hôn với chị Trần Thị L có địa chỉ thường trú tại phường Đ, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh N đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị L đã được triệu tập đến lần thứ hai vẫn vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: anh Mạc Đình N và chị Trần Thị L kết hôn ngày 17/4/2017, có đăng ký tại UBND xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa vợ chồng đã nảy sinh nhiều bất đồng về quan điểm sống, kinh tế và việc làm của cả hai không ổn định nên dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau. Ngoài ra, vợ chồng không có con chung nên cũng khiến mâu thuẫn thêm trầm trọng. Khoảng đầu năm 2019, chị L và anh N sống ly thân. Từ đó đến nay vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Đến nay, anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị được ly hôn với chị L. Như vậy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào

trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: anh N và chị L không có con chung nên không đặt ra xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.4]. Về án phí: Anh N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử chấp nhận yêu cầu của anh Mạc Đình N;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Mạc Đình N được ly hôn chị Trần Thị L.

2. Về con chung: anh N và chị L không có con chung.

3. Về án phí: Anh Mạc Đình N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng mà anh N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2020/0003225 ngày 23/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, anh N đã thi hành xong nghĩa vụ án phí.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND xã L, huyện G (số 21/2017);
- Lưu: Tòa án, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hà